

Số: 13 /2019/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định quy trình kiểm tra tình hình thi hành
pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 191/TTr-STP ngày 16/4/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về quy trình kiểm tra và các biểu mẫu trong kiểm tra tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong xử lý vi phạm hành chính theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra

1. Bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời, đúng pháp luật;

2. Không chồng chéo, trùng lặp hoặc gây cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức được kiểm tra.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM TRA VÀ BIỂU MẪU TRONG KIỂM TRA TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 4. Kiểm tra theo kế hoạch hàng năm

1. Hàng năm, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp tham mưu cho Chủ tịch UBND cùng cấp ban hành kế hoạch kiểm tra tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn.

2. Kế hoạch kiểm tra gồm các nội dung cơ bản: Mục đích, yêu cầu, đối tượng, nội dung, thời gian, phương pháp, tổ chức thực hiện.

Điều 5. Kiểm tra đột xuất

Ngoài việc kiểm tra theo kế hoạch hàng năm, Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định kiểm tra đột xuất khi xét thấy cần thiết.

Điều 6. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành cấp huyện kiểm tra việc thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp tham mưu cho Chủ tịch UBND cùng cấp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành.

2. Các sở, ngành cấp tỉnh; các phòng, đơn vị cấp huyện có trách nhiệm cử cán bộ, công chức tham gia đoàn kiểm tra liên ngành. Thành viên đoàn kiểm tra phải có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ kiểm tra xử lý vi phạm hành chính.

Điều 7. Chuẩn bị thực hiện kiểm tra

1. Trách nhiệm của đoàn kiểm tra liên ngành:

a) Kiểm tra theo kế hoạch hàng năm:

Chậm nhất 15 ngày, trước ngày kiểm tra, đoàn kiểm tra liên ngành gửi đến cơ quan, đơn vị được kiểm tra các văn bản sau:

- Quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành (bản photo);
- Thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm, thành phần, nội dung và các yêu cầu liên quan đến công tác kiểm tra.

b) Kiểm tra đột xuất:

Khi có yêu cầu kiểm tra đột xuất của Bộ Tư pháp, của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện, đoàn kiểm tra liên ngành có trách nhiệm gửi quyết định kiểm tra đột xuất (bản photo); quyết định thành lập đoàn kiểm tra

liên ngành (bản photo) và văn bản thông báo đến đối tượng được kiểm tra chậm nhất 03 ngày trước ngày kiểm tra.

Văn bản thông báo ghi rõ nội dung, chương trình, thành phần, thời gian, địa điểm và các yêu cầu liên quan đến công tác kiểm tra.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được kiểm tra:

a) Đối với việc kiểm tra theo kế hoạch

Chậm nhất 05 ngày trước ngày kiểm tra phải gửi báo cáo cho đoàn kiểm tra liên ngành, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính phục vụ cho công tác kiểm tra.

b) Đối với việc kiểm tra đột xuất

Chậm nhất 01 ngày trước ngày kiểm tra phải gửi báo cáo cho đoàn kiểm tra liên ngành, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính phục vụ cho công tác kiểm tra.

Điều 8. Nội dung kiểm tra thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính

Nội dung kiểm tra thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, khoản 26, khoản 27 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 9. Phương pháp kiểm tra

1. Kiểm tra các hồ sơ, tài liệu liên quan đến xử lý vi phạm hành chính do cơ quan, đơn vị được kiểm tra cung cấp.

2. Yêu cầu người có trách nhiệm giải trình những vấn đề cần thiết liên quan đến việc thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 10. Các bước tiến hành kiểm tra

1. Nhiệm vụ của đoàn kiểm tra:

a) Công bố quyết định kiểm tra;

b) Nghiên cứu, xem xét, đánh giá tính pháp lý của các thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan nội dung kiểm tra tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

c) Yêu cầu cơ quan, đơn vị được kiểm tra cung cấp thông tin, tài liệu bổ sung hoặc giải trình những nội dung thuộc phạm vi kiểm tra còn chưa rõ ràng;

d) Dự thảo biên bản kiểm tra, đảm bảo từng nội dung kiểm tra phải được ghi chép khách quan, đầy đủ;

đ) Thông báo với cơ quan, đơn vị được kiểm tra về nội dung dự thảo biên bản sau khi kết thúc kiểm tra (thông báo trực tiếp hoặc qua thư điện tử);

e) Tiếp nhận những ý kiến giải trình phù hợp về nội dung biên bản kiểm tra từ cơ quan, đơn vị được kiểm tra (trực tiếp hoặc qua thư điện tử);

g) Thông qua (ký, đóng dấu) biên bản kiểm tra giữa các bên sau khi tiếp nhận giải trình, kiến nghị từ cơ quan, đơn vị được kiểm tra (bằng hình thức trực tiếp hoặc qua văn thư).

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được kiểm tra:

- a) Phối hợp và tạo điều kiện cho đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra;
- b) Cử đại diện cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan cho đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ;
- c) Bố trí địa điểm làm việc;
- d) Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của đoàn kiểm tra; báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu trung thực; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của báo cáo, thông tin và tài liệu cung cấp;
- đ) Trong quá trình kiểm tra được kiến nghị, giải trình về nội dung kiểm tra và dự thảo biên bản kiểm tra;
- e) Thông qua biên bản kiểm tra (ký, đóng dấu). Trường hợp, chưa thống nhất với nội dung của biên bản kiểm tra nếu có lý do chính đáng thì được bảo lưu ý kiến, báo cáo cơ quan có thẩm quyền chỉ đạo, giải quyết.

g) Tiếp nhận báo cáo kết quả kiểm tra; tổ chức thực hiện kiến nghị của đoàn kiểm tra theo quy định tại điểm a, khoản 6 Điều 21 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm chính.

Điều 11. Báo cáo kết quả kiểm tra và kiến nghị

Không quá 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp kết quả kiểm tra để xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời gửi đến cơ quan có liên quan và đơn vị được kiểm tra.

Điều 12. Biểu mẫu

1. Các biểu mẫu trong kiểm tra về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Đề cương báo cáo của cơ quan, đơn vị được kiểm tra thực hiện theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 16/2018/TT- BTP ngày 14/12/2018 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật hoặc theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2019.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

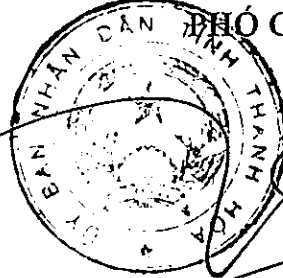
Nơi nhận:

- Như Điều 14 QĐ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL, Cục Quản lý XLVPHC & TDTHPL);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐẠI CHỨNG CHỦ TỊCH



chen

Lê Thị Thìn